

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Tiêu chí phân loại các khoản phải thu:

- + Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản....
- + Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- + Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại không được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ.
- + Khoản cho vay được phân loại là khoản phải thu khi lập BCTC.

Khoản phải thu của khách hàng được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải thu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là tài sản ngắn hạn; các khoản phải thu còn lại không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải thu được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Nợ phải thu không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCTC là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

Riêng khấu hao tài sản cố định với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ trích khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ trích khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây Cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây Cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- + Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- + Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- + Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay";

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 100 %.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ

##### b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### a) Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d) Thu nhập khác:**

Thu nhập khác là các khoản làm tăng lợi ích của Công ty ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như: thu thanh lý tài sản, khoản tiền thưởng từ khách hàng (không ghi tăng doanh thu), tiền bảo hiểm...

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty,...

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

**17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng**

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	568.821.441	406.758.651
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.338.194.177	353.446.603
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	55.400.000.000	12.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.307.015.618</b>	<b>13.310.205.254</b>

**2 . Đầu tư tài chính**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	11.255.848.160	11.255.848.160	10.657.566.561	10.657.566.561

(\*) Chi tiết tại ngày 31/12/2021 gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, số tiền 6.711.203.027 đồng, lãi suất 4,6%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, số tiền 1.132.440.006 đồng, lãi suất 4,8%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, số tiền 1.886.493.862 đồng, lãi suất 4,9%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai, số tiền 830.077.885 đồng, lãi suất 4,9%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Gia Lai, số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 6,3%/năm.

- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, số tiền 495.633.380 đồng, lãi suất 4,9%/năm.

**b) Đầu tư tài chính dài hạn (Chi tiết tại phụ lục 01)**

<b>3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	-	42.987.000
- Công ty TNHH MTV Cao su Chư Momray	3.650.143.000	2.491.300.227
<b>b) Phải thu khách hàng không là bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Thái Dương	-	1.000.000.000
- Công ty TNHH Thắng Thắng Lợi	-	3.647.822.818
- Bà Lê Thị Thúy	1.384.830.000	1.384.830.000
- Ông Nguyễn Phú Vinh	1.174.540.714	1.174.540.714
- Ông Trần Phúc Thịnh	1.391.078.500	1.391.078.500
- Công ty Cổ phần Tây Nguyên Xanh Gia Lai	-	1.840.855.288
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	6.004.560.527	8.002.618.622
<b>Cộng</b>	<b>13.605.152.741</b>	<b>20.976.033.169</b>
<b>4 . Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>*) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>		
- Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su tiểu điền	824.000.000	-
<b>*) Trả trước cho người bán không là bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên	-	7.700.000.000
- Công ty TNHH Công nghệ môi trường Trần Nguyễn	491.700.000	
- Các khoản trả trước cho người bán khác	663.178.005	737.406.405
<b>Cộng</b>	<b>1.978.878.005</b>	<b>8.437.406.405</b>

5 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN của CBNV	439.649.093	-	798.225.835	-
- Phải thu cổ phần hóa	-	-	756.121.453	-
- Phải thu về lãi tiền gửi tại các NH	155.281.641	-	190.366.691	-
- Tạm ứng	2.496.394.094	-	2.223.478.176	-
- Phải thu tiền lãi chậm trả của các khách hàng mua phân bón	6.406.707.646	-	7.435.390.280	-
- Phải thu từ hoạt động liên kết trồng xen canh	9.665.786.547	-	10.499.346.103	-
- Phải thu các khoản phát sinh tại Trung tâm y tế cao su	1.681.791.643	-	1.812.472.227	-
- Cổ tức được chia tại Công ty Cổ phần Cao su Kampong Thom	11.166.064.844	-	-	-
- Phải thu khác	1.043.288.022	-	911.109.561	-
<b>Tổng</b>	<b>33.054.963.530</b>	<b>-</b>	<b>24.626.510.326</b>	<b>-</b>

6 . Nợ xấu	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó thu hồi:				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Thái Dương	-	-	1.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Phú Vinh	1.174.540.714	-	1.174.540.714	-
+ Bà Lê Thị Thúy	898.900.000	-	898.900.000	-
+ Bà Đặng Thị Lê	711.922.750	-	711.922.750	-
+ Công ty Cổ phần Tây Nguyên Xanh Gia Lai	-	-	1.840.855.288	1.840.855.288
+ Ông Trần Phúc Thịnh	1.391.078.500	-	1.391.078.500	-
+ Bà Vũ Thị Lan	-	-	535.968.500	-
+ Các đối tượng khác	5.438.044.127	-	6.667.875.272	-
<b>Cộng</b>	<b>9.614.486.091</b>	<b>-</b>	<b>14.221.141.024</b>	<b>1.840.855.288</b>

7 . Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt (*)	3.198.146.662	3.198.146.662

(\*) Khoản tiền bị mất trộn kho quỹ trong năm 2015 và đang chờ kết quả điều tra của Cơ quan Công an.

8 . Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	981.513.138		976.894.797	
Công cụ, dụng cụ	1.445.571.438		1.681.801.379	
Chi phí SXKD dở dang	1.409.033.148		1.228.410.286	
Thành phẩm	6.450.672.318		5.382.520.329	
<b>Cộng</b>	<b>10.286.790.042</b>		<b>9.269.626.791</b>	

9 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Chi tiết tại phụ lục 02)

10 . Tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục 03)

11 . Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phản mềm quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư đầu kỳ	160.000.000	160.000.000
Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	<b>160.000.000</b>	<b>160.000.000</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư đầu kỳ	80.155.556	80.155.556
Số khấu hao trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Số giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	<b>88.155.556</b>	<b>88.155.556</b>
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày đầu kỳ	79.844.444	79.844.444
Tại ngày cuối kỳ	<b>71.844.444</b>	<b>71.844.444</b>
<i>Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</i>	80.000.000 VND	



12 . Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Vườn cây kiến thiết cơ bản (1)</b>	<b>229.809.759.421</b>	<b>255.687.598.678</b>
- Kiến thiết nông nghiệp vườn cây năm 2010	5.173.457.755	34.209.960.893
- Kiến thiết nông nghiệp vườn cây năm 2011	148.967.587.895	147.154.344.260
- Kiến thiết nông nghiệp vườn cây năm 2012	75.668.713.771	74.323.293.525
<b>Vườn cây tái canh (2)</b>	<b>272.575.795.430</b>	<b>262.550.939.373</b>
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2013	36.777.110.051	48.361.625.467
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2014	33.198.966.870	32.269.642.056
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2015	35.365.925.865	33.000.780.758
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2016	47.565.757.124	43.580.716.104
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2017	52.033.242.598	47.509.799.861
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2018	27.103.486.718	24.717.049.056
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2019	33.891.328.965	30.311.975.690
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2020	3.424.281.321	2.799.350.381
- Tái canh nông nghiệp vườn cây năm 2021	3.215.695.918	-
<b>Xây dựng cơ bản khác</b>	<b>49.434.370.598</b>	<b>14.834.771.509</b>
- Dự án Khu công nghiệp Nam Pleiku	49.340.446.794	14.805.461.509
- Giếng đào Nông trường Ialau	-	29.310.000
- Các hạng mục khác	93.923.804	-
<b>Cộng</b>	<b>551.819.925.449</b>	<b>533.073.309.560</b>

*Toàn bộ các vườn cây tái canh, kiến thiết cơ bản nêu trên đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng:*

(1) Bao gồm 4 dự án đầu tư mới trồng vườn cây cao su tại xã IaLâu và xã Ia Mơr, huyện Chư Prông, Gia Lai với tổng diện tích đầu tư là 2.175,697 ha, tổng mức đầu tư dự án là 591,76 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án là từ năm 2010 đến năm 2020 theo các quyết định số 162, 163, 164, 165/QĐ-HĐTVCS ngày 03/12/2012 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê. Toàn bộ diện tích đã đầu tư trồng mới nêu trên chất lượng kém nên ngưng đầu tư theo các công văn số 2480/CSV-QLKT ngày 20/08/2014, công văn số 3344/CSV-QLKT ngày 04/12/2015 và công văn 2916/CSVN-QLKT ngày 16/10/2017 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Năm 2021, diện tích vườn cây cao su đưa vào khai thác tại xã IaLâu là 211,43 ha.

(2) Dự án trồng tái canh và chăm sóc 1.246,002 ha cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê với tổng mức đầu tư 208,53 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án là giai đoạn năm 2013 - 2021 theo quyết định số 166/QĐ-HĐTVCS ngày 03/12/2012 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê. Dự án trồng tái canh và chăm sóc 4.441,37 ha cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê với tổng mức đầu tư 365,64 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án là giai đoạn năm 2016 - 2020 theo thỏa thuận điều chỉnh số 912/HĐTVCS-KHĐT ngày 31/12/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

13 . Chi phí trả trước	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>5.712.392.195</b>	<b>9.925.687.312</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.564.596.267	2.039.130.912
Chi phí mua bảo hiểm	72.757.099	219.747.080
Các khoản khác	4.075.038.829	7.666.809.320
<b>Cộng</b>	<b>5.712.392.195</b>	<b>9.925.687.312</b>

14 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>				
- Viện Nghiên Cứu Cao su Việt Nam	14.135.000	14.135.000	-	-
- Tạp chí Cao su Việt Nam	306.790.000	306.790.000	327.063.000	327.063.000
<b>Phải trả người bán không là bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên	1.245.618.000	1.245.618.000	-	-
- Công ty TNHH KHCNMT Quốc Việt	1.113.007.976	1.113.007.976	1.281.830.035	1.281.830.035
- Tổng Công ty Thành An	-	-	2.354.654.000	2.354.654.000
- Công ty TNHH MTV Thùyl Dung Gia Lai	930.569.651	930.569.651	631.362.538	631.362.538
- Phải trả các đối tượng khác	2.876.986.194	2.876.986.194	4.445.570.222	4.445.570.222
<b>Cộng</b>	<b>6.487.106.821</b>	<b>6.487.106.821</b>	<b>9.040.479.795</b>	<b>9.040.479.795</b>

15 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
<b>a) Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH Sản xuất Gỗ cây Cao su Kom Tum	14.189.000.000		2.654.320.434	
<b>b) Người mua trả tiền trước không là bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH Vận tải Việt Tâm Chư sê	-		2.229.256.548	
- Công ty TNHH Tâm Phúc Gia Lai	-		362.000.000	
- Công ty TNHH MTV Đông Anh	23.149.000.000		-	
- Tổng Công ty Sintex Chemical	2.480.777.934		-	
- Công ty TNHH TM Tú Hiệp	-		1.452.360.000	
<b>Cộng</b>	<b>39.818.777.934</b>		<b>6.697.936.982</b>	